

**CÔNG TY TNHH SX VÀ TM THU HUYỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX VÀ TM THU HUYỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108323461

**3. Ngày thành lập:** 13/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 ngõ 156 Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942996488

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết : Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                          | 1629     |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; dụng cụ y tế; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                    | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), | 4659     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động,                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 6.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410     |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3100     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, màu, véc ni; kính xây dựng; đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, sắt thép   | 4752 |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                           | 4100 |
| 11. | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                  | 1610 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                       | 9511 |
| 14. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                      | 9512 |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                             | 6202 |
| 16. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết : Đại lý bán hàng hưởng hoa hồng                                                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                            | 4641 |
| 20. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                   | 1511 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                    | 4661 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>( Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                         | 5210 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết : Giao nhận hàng hóa;                                                                                                                                                                                           | 5229 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                    | 7920 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện | 4759 |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh                                                                                                                          | 4772 |
| 30. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết : Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                                                        | 6492 |
| 31. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                        | 2410 |
| 32. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                            | 4662 |
| 33. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                    | 2592 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 34. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2599        |
| 35. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết : Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng ; Vách ngăn phòng bằng kim loại. | 2511        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 37. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2013(Chính) |
| 38. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2220        |
| 39. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1321        |
| 40. | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1323        |
| 41. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1329        |
| 42. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1512        |
| 43. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1623        |
| 44. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 46. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết: Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.                                                                                                                                                                                                       | 1621        |
| 47. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1622        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Ho và tên: NGUYỄN THI

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 110270484

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Sy Chợ, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 2 ngõ 156 Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 25/02/1964

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 110270484

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Sy Chợ, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 2 ngõ 156 Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội